

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Lộc

2. Ông Phan Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Lựu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L SN: 1972

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện P, Bình Định

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá S, SN: 1966

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện P, Bình Định

(Bà L có mặt; ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà với ông Nguyễn Bá S tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng hai bên gia đình vào năm 1992 (ngày tháng bà không còn nhớ), bà với ông S có đến xã T xin thủ tục kết hôn nhưng sau đó không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới bà với ông S về sống chung một nhà tại thôn C, xã T, huyện P và có với nhau 02 người con. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã và cũng từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Bá S.

Bà với ông Nguyễn Bá S có 02 người con chung tên là Nguyễn Thúy V, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường T, sinh năm 1996. Hiện tại sức khỏe các con phát triển bình thường và đã đủ 18 tuổi nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bá S vắng mặt.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy khai sinh cháu V, cháu T, bản sao CMND mang tên Nguyễn Thị L, bản sao sổ hộ khẩu.
- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị L, biên bản xác minh tại UBND xã T và UBND thị trấn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Bá S. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận.

[1.2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Bá S tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L cho rằng bà với ông Nguyễn Bá S tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng hai bên gia đình vào năm 1992 (ngày tháng bà không còn nhớ) nhưng không có

đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện P xác nhận: “Bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Bá S là công dân cư trú sinh sống tại địa phương. Bà L với ông S có với nhau 02 người con chung. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn và sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND xã T thì không tìm thấy sự kiện đăng ký kết hôn giữa bà L với ông S”. Đồng thời qua kết quả xác minh vào ngày 09/6/2021 tại UBND thị trấn N, huyện P thì cũng xác định không có sự kiện đăng ký kết hôn giữa bà L với ông S.

Như vậy, có căn cứ chứng minh bà L với ông S có chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 nhưng không có căn cứ chứng minh bà L, ông S có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà L và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Bá S.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Bá S có 02 người con chung tên là Nguyễn Thúy V, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường T, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung của bà L, ông S đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà Linh đã nộp.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Bá S chưa chấp hành nghiêm sự triệu tập của Tòa án. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Bá S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Bá S có 02 người con chung tên là Nguyễn Thúy V, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường T, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung của bà L, ông S đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: ngày của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Bá S không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P (02b);
- Chi cục THA DS huyện P;
- UBND xã T, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh

